

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 190/2003/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Về chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003 - 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tờ trình số 223/BNN-ĐCĐC ngày 30 tháng 01 năm 2003) và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Công an, Tư pháp và Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003 - 2010, bao gồm những nội dung sau:

1. Mục tiêu:

Từ nay đến năm 2010 bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết nhằm khai thác tiềm năng lao động, đất đai phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống của người dân; hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng dân di cư tự do; đồng thời hình thành các điểm dân cư mới, có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững cho người dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

2. Phạm vi áp dụng:

Chính sách này áp dụng cho việc di dân nhằm thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư theo kế hoạch của Nhà nước thuộc khu vực nông thôn. Riêng trường hợp di dân và ổn định dân cư tại các xã biên giới Việt - Trung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ phải di dân vì điều kiện sản xuất và đời sống quá khó khăn, bao gồm: hộ du canh du cư; hộ mất đất ở, đất sản xuất do thiên tai; hộ sống ở nơi đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt; hộ di dân đến khu kinh tế - quốc phòng và hộ dân cần phải đưa ra khỏi các khu rừng đặc dụng.

b) Hộ di dân đến các xã biên giới, hải đảo.

c) Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong, trí thức trẻ đang làm nhiệm vụ ở các vùng dự án di dân, có nhu cầu đưa gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con) đến định cư lâu dài hoặc lập gia đình mới và tự nguyện định cư lâu dài tại vùng dự án.

d) Hộ tự nguyện di dân đến các vùng kinh tế mới để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và phát triển ngành nghề khác.

d) Hộ di dân tự do đang ở trong các khu rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cần phải chuyển ra khỏi các khu rừng đó.

4. Nguyên tắc chung thực hiện chính sách:

a) Nhà nước tạo điều kiện xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, phát triển các dịch vụ sản xuất để khuyến khích các hộ tham gia khai hoang, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và phát triển ngành nghề khác.

b) Tập trung đầu tư và ưu tiên hỗ trợ cho cộng đồng dân cư vùng dự án và các hộ chuyển đến định cư ở xã biên giới, hải đảo, các hộ ở vùng bị thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn và các hộ cần phải bố trí lại nhằm ổn định sản xuất và đời sống tại chỗ cho đồng bào, hạn chế dân di cư tự do.

Điều 2. Những chính sách cụ thể

1. Nguyên tắc và nội dung hỗ trợ:

a) Đất ở và đất sản xuất: Ban Quản lý dự án tổ chức khai hoang hoặc giao cho hộ tự khai hoang để bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ di dân tại nơi định cư mới. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định cụ thể về mức diện tích đất bố trí cho các hộ. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi phí di chuyển người, hành lý, thuốc phòng bệnh, ăn uống trên đường di chuyển tính theo cự ly di chuyển.

c) Hỗ trợ làm mới hoặc chuyển nhà từ nơi ở cũ đến nơi định cư mới.

d) Cấp tiền mua lương thực trong thời gian 12 tháng đầu tính từ khi đến vùng dự án.

đ) Xây dựng giếng nước hoặc ống dẫn nước, bể chứa nước.

e) Hỗ trợ mua sắm công cụ sản xuất; giống cây lương thực, phân bón cho vụ đầu; tập huấn về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công.

Ngoài nội dung hỗ trợ nêu trên hộ di dân khi đến nơi định cư mới được hưởng các quyền lợi khác như người dân tại chỗ.

2. Mức hỗ trợ cụ thể:

a) Đối với hộ di dân thuộc các đối tượng quy định tại mục a, b, c khoản 3 Điều 1 của Quyết định này được hỗ trợ.

Hỗ trợ khai hoang xây dựng đồng ruộng hoặc nương cố định: từ 2 triệu đồng/ha đến 5 triệu đồng/ha.

Hộ di dân đến xã biên giới: 15 triệu đồng/hộ.

Hộ di dân ra hải đảo: từ 50 triệu đồng/hộ đến 100 triệu đồng/hộ.

Hộ di dân do điều kiện sống và sản xuất quá khó khăn đến các dự án trong tỉnh và ngoài tỉnh: từ 2 triệu đồng/hộ đến 8 triệu đồng/hộ.

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên hộ di dân đến vùng trũng thuộc các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long được hỗ trợ thêm 700.000 đồng/hộ để mua 01 chiếc xuồng làm phương tiện đi lại; hộ di dân từ vùng đồng bằng, trung du, miền núi lên vùng cao được hỗ trợ thêm tiền di chuyển 500.000 đồng/hộ (tên xã, huyện thuộc vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc).

b) Đối với hộ thuộc đối tượng tự nguyện di dân đến các vùng kinh tế mới để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và phát triển ngành nghề khác:

Tự lo chi phí di chuyển, làm nhà ở, đầu tư cho sản xuất và đời sống.

Về đất ở, đất sản xuất: nếu là hộ thuộc diện nghèo thì được Ban Quản lý dự án khai hoang hoặc giao cho hộ tự khai hoang để bố trí đất ở, đất sản xuất và được cấp có thẩm quyền giao đất không thu tiền sử dụng đất. Các hộ khác được Ban Quản lý dự án khai hoang bố trí đất ở, đất sản xuất và được cấp có thẩm quyền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất theo quy định hiện hành. Mức diện tích đất để bố trí cho các hộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Đối với hộ di dân tự do đang ở trong các khu rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cần phải chuyển ra khỏi các khu rừng:

Nếu hộ tự nguyện chấp hành theo bố trí của chính quyền các cấp ở địa phương nơi đến thì được xem xét giao đất ở, đất sản xuất theo mức và điều kiện giao đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Trường hợp là hộ dân tộc thiểu số, đời sống quá khó khăn thì được xem xét hỗ trợ thêm kinh phí để di chuyển, mua lương thực trong thời gian đầu, mua giống cây lương thực, phân bón và giải quyết nước sinh hoạt. Mức hỗ trợ cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhưng không quá 3 triệu đồng/hộ; được xem xét hỗ trợ làm nhà ở áp dụng theo quy định tại Quyết định số 155/2002/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và hộ dân tộc thuộc diện chính sách ở các tỉnh vùng Tây Nguyên mua trả chậm nhà ở.

Đối với hộ không chấp hành định cư theo bố trí của chính quyền các cấp ở địa phương thì Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có dân đến tiến hành cưỡng chế ra khỏi các khu rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và thông báo cho chính quyền địa phương nơi có dân đi tự bố trí kinh phí, tổ chức đón họ trở lại nơi ở cũ (nơi có đăng, ký hộ khẩu thường trú) và tạo điều kiện cho người dân sớm ổn định lại đời sống và sản xuất.